

THỐNG KÊ SỨC KHỎE

Đầu năm học 2022-2023 (tháng 9/2022)

Trẻ SDD thể nhẹ cân không chấm biểu 3. Tất cả trẻ còn lại chấm đủ 3 biểu

STT	THÁNG	Mẫu Giáo Thuận Thành								
		Tổng số HS của trường	TSHS được KSK	TSHS được cân đo và theo dõi BĐTT	TS THEO DỐI CÂN NẶNG (Biểu 1)	TRẺ SDD THẺ NHẸ CÂN	TS THEO DỐI CHIỀU CAO (Biểu 2)	TRẺ SDD THẺ THẤP CÒI	TS THEO DỐI CÂN NẶNG + CHIỀU CAO (Biểu 3)	TRẺ THỪA CÂN, BÉO PHÌ
1	9	182	0	182	182	4	182	2	178	28

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Lan

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thanh Hằng

TỔNG HỢP THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ THÁNG 9

Năm học: 2022-2023

STT	GVCN	Lớp	Tổng số trẻ	Nữ	Đã khám sức khỏe	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI											Các bệnh khác
						Cân nặng BT	SDDT NC	SDDT NCM ĐN	Chiều cao BT	SDDT TC	SDDT TCM ĐN	SDDT GC	SDDT GCM ĐN	Thừa cân	Béo Phì	Cao hơn	
1	Lâm Kim Ngọc Trâm Võ Thị Ngọc Oanh	Lá 1	34	23	0	28	2	0	33	1	0	0	0	0	4	0	0
2	Võ Thị Thúy Hằng Phan Thị Hồng Cúc	Lá 2	35	20	0	27	1	0	35	0	0	0	0	3	2	0	0
3	Trần Thị Bạch Huệ Phạm Thị Huyền Trang	Lá 3	33	13	0	26	0	0	33	0	0	0	0	1	6	0	0
4	Nguyễn Thị Trắng Huỳnh Thị Kim Liên	Chồi 1	28	11	0	23	1	0	28	0	0	0	0	0	4	0	0
5	Nguyễn Thị Thu Thảo Ngô Thị Ngọc Mai	Chồi 2	27	14	0	23	0	0	26	1	0	0	0	2	2	0	0
6	Trần Thị Ngọc Hương Phan Thị Quyên Quyên	Chồi 3	25	11	0	21	0	0	25	0	0	0	0	2	2	0	0
TỔNG CỘNG		6	182	92	0	148	4	0	180	2	0	0	0	8	20	0	0
TỈ LỆ (%)			100	50.5	0.0	81.3	2.2	0.0	98.9	1.1	0.0	0.0	0.0	4.4	10.9	0.0	0.0



Phạm Thị Hồng Lan

Lập bảng
(NV Y Tế)

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 20 tháng 9 năm 2022

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 1 THÁNG 9
Năm học: 2022-2023

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Nguyễn Lê Mẫn Nhi	04/01/2017	x		14.5	110			
2	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	06/01/2017	x	18		110			
3	Dương Huỳnh Mỹ Mỹ	07/01/2017	x	17		112			
4	Phan Nguyễn Thảo Ngọc	12/01/2017	x	20		110			
5	Đoàn Cao Nhật	13/01/2017				122			30
6	Võ Nguyễn Thiên Ngân	21/01/2017	x			121			30
7	Nguyễn Thị Tường Vy	17/01/2017	x	18		110			
8	Võ Ngọc Lan Nhi	02/02/2017	x			113			29
9	Phan Thị Ngọc Giàu	06/02/2017	x	21		115			
10	Nguyễn Vương Gia Long	12/02/2017		20		119			
11	Dương Bảo Ngọc	12/02/2017	x	23.5		118			
12	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	26/02/2017	x	23.5		118			
13	Bùi Thị Diễm My	12/3/2017	x	24		119			
14	Đặng Phúc An	26/3/2017		18.5		115			
15	Võ Ngọc Hoàng Kim	26/3/2017	x		13		99		
16	Phạm Thị Trúc Linh	21/4/2017	x			114			30
17	Đoàn Võ Ngọc Trâm	23/5/2017	x	18.5		111			
18	Nguyễn Tấn Khang	23/6/2017		23		118			
19	Phan Kim Phụng	04/7/2017	x	19		106			
20	Đoàn Thanh Hoàng	16/7/2017		17.5		108			
21	Nguyễn Hoàng An Bình	20/7/2017	x	15		104			
22	Võ Ngọc Đin Đan	22/7/2017	x	22.5		116			
23	Nguyễn Hoàng Kim Thư	12/8/2017	x	15		106			
24	Phạm Gia Đạt	29/8/2017		17.5		110			
25	Võ Ái Thư	29/9/2017	x	15		101			
26	Huỳnh Thị Như Ý	02/10/2017	x	15		100			
27	Lượng Hoàng Thắng	25/10/2017		16		105			
28	Trần Khả Như	28/10/2017	x	19		111			
30	Nguyễn Minh Trí	05/11/2017		22		111			
31	Phạm Lê Công Vinh	24/11/2017		15.5		100			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
29	Nguyễn Lê Bảo Trân	08/12/2017	x	15		101			
32	Võ Tuấn Đạt	16/12/2017		16.5		108			
33	Nguyễn Ngọc Anh	17/12/2017	x	15		101			
34	Nguyễn Gia Lộc	25/12/2017		18.5		102			
TỔNG CỘNG		34	23	28	2	33	1		4
TỶ LỆ (%)		100	67.6	82.3	5.8	97	2.9		11.7

DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)



Phạm Thị Hồng Lan

Lâm Kim Ngọc Trâm

Võ Thị Ngọc Oanh

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 20 tháng 9 năm 2022

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 2 THÁNG 9
Năm học: 2022-2023

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Nguyễn Gia Bảo	08/01/2017		23		118		23	
2	Phạm Nguyễn Kiều Oanh	13/01/2017	x	20		112			
3	Lê Nguyễn Hoàng Khải	26/01/2017		20		113			
4	Nguyễn Phát Đạt	27/01/2017				119			33
5	Khuru Thanh Vân	28/01/2017	x	24.5		120			
6	Ngô Minh Khang	05/02/2017		16		110			
7	Võ Ngọc Thiên Nghi	12/02/2017	x	21		111			
8	Văn Nguyễn Minh Đức	07/3/2017				115			25
9	Huỳnh Ngọc Tú	08/3/2017	x	22		122			
10	Huỳnh Thanh Tú	08/3/2017	x	23		118			
11	Nguyễn Ngọc Ái Sương	29/3/2017	x	19.5		107			
12	Nguyễn Thành Nghĩa	16/4/2017		20		110			
13	Lê Thị Tuyết Lan	11/5/2017	x	17		112			
14	Phạm Thanh Phong	06/6/2017		17.5		111			
15	Nguyễn Châu Thảo My	19/6/2017	x			112		22	
16	Lê Minh Khánh	24/6/2017		17		113			
17	Lý Kiến Dân	10/7/2017		22		120			
18	Lý Phương Trinh	02/8/2017	x	16		103			
19	Lê Ngọc Kỳ Duyên	03/8/2017	x	18		112			
20	Hồ Minh Khang	09/8/2017		22		118			
21	Nguyễn Quốc Vinh	11/8/2017		16		108			
22	Lê Hoài Ân	14/8/2017		20.5		111			
23	Võ Ngọc Minh Thư	24/8/2017	x	21		112			
24	Phan Ngọc Ánh Linh	03/9/2017	x	25		117			
25	Phan Thị Bảo Ngọc	10/9/2017	x	21		108			
26	Lê Ngọc Gia Bảo	13/9/2017		16		108			
27	Hồ Võ Thanh Hân	18/9/2017	x	19		102			
28	Lê Thị Thúy An	10/10/2017	x			109		24	
29	Lê Võ Hồng Thắm	11/10/2017	x		14	101			
30	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	17/10/2017	x	20		109			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Nguyễn Trọng Hoàng	02/11/2017		19		107			
32	Lê Anh Tiến Phát	13/11/2017		17		105			
33	Lâm Ngọc Nhã Phương	12/12/2017	x	22.5		110			
34	Nguyễn Ngọc Như Ý	19/12/2017	x	15		100			
35	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	22/12/2017	x	21		107			
TỔNG CỘNG		35	20	27	1	35		3	2
TỶ LỆ (%)		100	57.1	77.1	2.8	100		8.5	5.7

DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)



Phạm Thị Hồng Lan

Võ Thị Thúy Hằng ...
Phan Thị Hồng Cúc ...

[Signature]
Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 20 tháng 9 năm 2022

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 3 THÁNG 9
Năm học: 2022-2023

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Nguyễn Thị Quỳnh Như	18/01/2017	x			110		22.5	
2	Nguyễn Hoàng Gia Lâm	02/01/2017		23		118			
3	Phan Trọng Hiếu	05/02/2017		22		116			
4	Ng Hoàng Trung Nghĩa	07/02/2017				119			27
5	Nguyễn Trọng Phúc	11/02/2017		22.5		117			
6	Lôi Đại Sơn	01/3/2017		20		113			
7	Phan Văn Ngọc Sáng	14/3/2017				122			30
8	Phạm Nguyễn Gia Hân	16/3/2017	x	22		118			
9	Võ Hồ Bảo Trân	25/3/2017	x	21		113			
10	Huỳnh Ngọc Phương Uyên	27/3/2017	x	23.5		118			
11	Nguyễn Hoàng Huy	31/3/2017				114			32
12	Trần Ngọc Gia Hân	04/4/2017	x	22		116			
13	Hồ Nhựt Hào	14/4/2017		15		106			
14	Hồ Trí Bách	13/4/2017		22.5		117			
15	Đỗ Ngọc Thiên Thanh	10/5/2017	x	21		115			
16	Hồ Ngọc Mai Phương	12/5/2017	x			119			28
17	Trần Nguyễn Ngọc Bội	02/6/2017	x	21		116			
18	Hồ Ngọc Bảo Quyên	16/6/2017	x	20		114			
19	Lê Nguyễn Gia Phú	28/6/2017		15		103			
20	Đặng Thanh Hải	12/7/2017				114			29
21	Phạm Võ Hoàng Anh	25/7/2017		19.5		109			
22	Nguyễn Ngọc Minh Thu	08/8/2017	x	21		112			
23	Trần Tuấn Kiệt	10/8/2017		18		105			
24	Phạm Thái Minh Khang	10/8/2017		22.5		117			
25	Nguyễn Vũ Phương Khánh	22/8/2017				116			30
26	Ngô Gia Huy	02/9/2017		20		110			
27	Trương Ngọc Uyên Nhi	09/9/2017	x	17		107			
28	Ng Ngọc Phương Nghi	03/10/2017	x	15		104			
29	Trần Vũ Đăng Khôi	01/11/2017		19		108			
30	Cao Nguyễn Nhựt Huy	24/11/2017		14		102			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Tạ Túc Mạch	06/12/2017		23.5		113			
32	Nguyễn Tấn Sang	16/12/2017		23		112			
33	Lê Hoàng Yến Nhi	11/12/2017	x	18		109			
TỔNG CỘNG		33	13	26		33		1	6
TỶ LỆ (%)		100	39.3	78.7		100		3	18

DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)



Trần Thị Bạch Huệ ..
Phạm Thị Huyền Trang ..

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 20 tháng 9 năm 2022

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHÒI 1 THÁNG 9
Năm học: 2022-2023

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Lê Nhật Anh	21/01/2018		15		100			
2	Nguyễn Kim Vương	25/01/2018		18		110			
3	Lê Tuấn Kiệt	26/01/2018		15		105			
4	Huỳnh Phạm Anh Khôi	09/02/2018				112			32.5
5	Võ Gia Khiêm	19/02/2018		16		100			
6	Bùi Tiến Dũng	07/3/2018		22		110			
7	Lâm Võ Minh Thi	02/6/2018	x	14		97			
8	Kiều Lâm Bảo Ngọc	17/6/2018	x	15		100			
9	Nguyễn Lâm Hùng Vỹ	03/7/2018			12.5	97			
10	Phạm Thị Kim Ngân	16/7/2018	x	17		102			
11	Trương Tuệ Nghi	27/7/2018	x	15		103			
12	Nguyễn Bảo Ngọc	30/7/2018	x	15		108			
13	Nguyễn Ngọc Khả Hân	11/8/2018	x	15		100			
14	Phan Minh Đăng	25/8/2018		15		100			
15	Phạm Thiên Minh	14/9/2018				110			28
16	Huỳnh Nguyễn Phúc Xuân	18/9/2018	x	16		102			
17	Nguyễn Lê Gia Phúc	25/9/2018		13		95			
18	Nguyễn Trọng Hiếu	26/9/2018				111			30
19	Phạm Khánh Vân	13/10/2018	x	13		98			
20	Ngô Nguyễn Minh Nhật	27/10/2018		14		97			
21	Lê Ngọc Gia Hân	01/11/2018	x	18		100			
22	Nguyễn Tấn Tài	17/11/2018		18.5		101			
23	Trần Công Duy	22/11/2018		14		96			
24	Trần Phương Anh	01/12/2018	x	14		95			
25	Hoàng Minh Hiếu	14/12/2018		13.5		100			
26	Lê Ngọc Thúy Hằng	16/12/2018	x	14		97			
27	Phan Nhật Bình An	16/12/2018		14		100			
28	Phan Nguyễn Quốc Việt	22/12/2018				103			25

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
TỔNG CỘNG		28	11	23	1	28			4
TỶ LỆ (%)		100	39.2	82.1	3.5	100			14.2

DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)



Phạm Thị Hồng Lan

Nguyễn Thị Trắng ...
Huỳnh Thị Kim Liên ...

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 20 tháng 9 năm 2022

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 2 THÁNG 9
Năm học: 2022-2023

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Nguyễn Hoàng Nhã Phương	02/01/2018	x	14		100			
2	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	13/01/2018	x	20		106			
3	Nguyễn Phúc Khang	25/01/2018		16		103			
4	Nguyễn Trịnh Gia Phú	26/01/2018		24		114			
5	Võ Phúc Lâm	05/02/2018		18		108			
6	Văn Thái Tiểu Mai	05/02/2018	x	18		105			
7	Võ Hoàng Tài Lộc	15/02/2018		16		106			
8	Lê Hoài Khánh Vy	02/3/2018	x			115			30
9	Phan Nguyễn Ngọc Hào	20/3/2018	x	18		108			
10	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	29/3/2018	x			116			31
11	Bùi Trần Thanh Thơ	19/4/2018	x	15		106			
12	Lưu Minh Thiên Phú	17/5/2018		22		111			
13	Trần Hoàng Ngọc Châu	08/7/2018	x	14		100			
14	Võ Ngọc Minh Khuê	19/7/2018	x	18		103			
15	Khê Minh Hiếu	19/7/2018				112		25	
16	Lê Thành Phát	22/7/2018		21		110			
17	Ngô Mạnh Hiền	26/7/2018		20		110			
18	Lê Đức Thịnh	06/8/2018		20		105			
19	Lý Kiến Dư	26/8/2018		16		104			
20	Nguyễn Hoàng Dương	03/9/2018				115		27	
21	Bùi Ngọc Phương Trúc	05/10/2018	x	14			92		
22	Nguyễn An An	08/10/2018	x	15		97			
23	Võ Thị Thảo Tiên	09/10/2018	x	15		96			
24	Nguyễn Thiên Phú	06/11/2018		16		105			
25	Thiêm Ngọc Minh Thư	27/11/2018	x	19		106			
26	Võ Ngọc Kim Trúc	30/11/2018	x	16		105			
27	Trần Gia Bảo	20/11/2018		22		110			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
TỔNG CỘNG		27	14	23		26	1	2	2
TỶ LỆ (%)		100	51.8	85.1		96.2	3.7	7.4	7.4

DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)



Phạm Thị Hồng Lan

Nguyễn Thị Thu Thảo
Ngô Thị Ngọc Mai ...

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 20 tháng 9 năm 2022

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 3 THÁNG 9
Năm học: 2022-2023

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Lê Quang Khải	03/01/2018		15		100			
2	Ngô Thị Kim Tuyên	04/01/2018	x	17.5		112			
3	Huỳnh Anh Thư	18/01/2018	x	22		109			
4	Lê Tấn Trường	13/01/2018				111		24	
5	Phan Ngọc Mai	28/01/2018	x	13.5		99			
6	Nguyễn Bá Hữu	02/3/2018				105			25
7	Trần Võ Duy Khoa	05/3/2018		17		107			
8	Phan Ngọc Hà My	05/3/2018	x	20		108			
9	Đoàn Thiên Long	12/3/2018		17		106			
10	Dương Quang Khải	12/4/2018		17		109			
11	Nguyễn Ngọc Như Ý	24/4/2018	x	16.5		105			
12	Lâm Trường Vũ	14/6/2018		17		103			
13	Lê Nhật Huy	15/7/2018		17		104			
14	Cao Nguyễn Hoài Thương	13/8/2018	x	20		105			
15	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lam	27/8/2018	x	16		100			
16	Đỗ Trần Gia Hưng	14/8/2018		15		100			
17	Huỳnh Thế Khải	06/9/2018				110		24	
18	Nguyễn Thành Nhân	29/10/2018		17		106			
19	Đoàn Ngọc Lan Vy	07/11/2018	x	21		109			
20	Nguyễn Lê Thành Đạt	07/12/2018		20		105			
21	Phan Ánh Kim	09/12/2018	x	18		103			
22	Huỳnh Minh Khang	22/12/2018		15		102			
23	Nguyễn Thanh Trúc	28/12/2018	x	15.5		101			
24	Lê Đỗ Hoàng Khang	29/12/2018				110			27
25	Ngô Thị Thanh Loan	30/12/2018	x	15		100			
TỔNG CỘNG		25	11	21		25		2	2
TỶ LỆ (%)		100	44	84		100		8	8



DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)

Trần Thị Ngọc Hương

Phan Thị Quyên Quyên

Phạm Thị Thanh Hằng